TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y - TỈNH N1 BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 30/2023/QĐST-HNGĐ	***Y,*** *ngày 24 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 42/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T sinh năm 1982; địa chỉ xóm 2, xã K, huyện Y, tỉnh N1 Bình.

Bị đơn: Anh Vũ T sinh năm 1986; địa chỉ xóm 10A, xã K, huyện Y, tỉnh N1 Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14/7/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Hoàng Thị T và anh Vũ T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con: Chị T và anh T cùng trình bày vợ chồng không có con chung. Chị T có 02 con riêng là cháu Hoàng Thị N1 sinh ngày 11/6/2004 và cháu Hoàng Thanh T1 sinh ngày 15/10/2012, anh T có 02 con riêng là cháu Vũ Ngọc D2 sinh ngày 17/6/2011 và cháu Vũ Minh K2 sinh ngày 15/4/2014; Chị T và anh T thỏa thuận con riêng của ai người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, nên cả chị T và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị T và anh T cùng trình bày, vợ chồng không có tài sản; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Về án phí: Chị T và anh T thỏa thuận chị T chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị

T đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005694 ngày 12/5/20123 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, chị T được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N1 Bình
- VKSND huyện Y
- UBND thị trấn Yên N1
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Bùi Văn Lực